NGHIÊN CỨU CHUỖI SẢN XUẤT VÀ THỊ TRƯỜNG CUNG ỨNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ RAU AN TOÀN TRÊN ĐỊA BÀN TP. HÀ NỘI

TS. Nguyễn Hoàng Nam*

Dựa trên lý thuyết cơ bản về chuỗi cung ứng, các quá trình sản xuất, cung ứng cốt lõi và dữ liệu điều tra xã hội học 122 nhà quản trị ở các hợp tác xã (HXT) sản xuất rau an toàn trên địa bàn TP. Hà Nội, nghiên cứu đã tiến hành thực nghiệm, phân tích thống kê mô tả thực trạng chất lượng triển khai các quá trình chuỗi sản xuất, cung ứng cốt lõi. Từ đó, bài viết đề xuất một số hàm ý giải pháp quản trị nhằm nâng cao chất lượng triển khai các quá trình sản xuất cung ứng cốt lõi theo mục tiêu tối đa hoá hiệu suất phát triển thị trường tiêu thụ rau an toàn của các HTX sản xuất rau an toàn TP. Hà Nội thời gian tới, định hướng đến năm 2030.

• Từ khóa: *chuỗi sản xuất, thị trường cung ứng, hợp tác xã sản xuất rau an toàn, TP. Hà Nội.*

Based on fundamental supply chain theory, core production and supply processes, and sociological survey data from 122 managers in safe vegetable production cooperatives in Hanoi, this study conducted experiments and statistical analyses to describe the current state of the quality of implementation of core production and supply chain processes. From this, the article proposes several management solutions to improve the quality of implementation of core production and supply processes, aiming to maximize the efficiency of developing the safe vegetable market for safe vegetable production cooperatives in Hanoi in the coming years, with a focus on the period up to 2030.

• Key words: *production chain, supply market, safe vegetable production cooperative, Hanoi.*

Ngày nhận bài: 11/8/2025
Ngày gửi phản biện: 23/10/2025
Ngày duyệt đăng: 31/12/2025

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i304.15

Giới thiệu

Rau an toàn (RAT) là các loại rau củ quả tươi được sản xuất (SX), cung ứng (CƯ) và tiêu thụ theo các tiêu chuẩn quy định về vệ sinh an thực phẩm (VSATTP), đảm bảo đúng giới hạn dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (TBVTV), phân bón, kim loại nặng, hoá chất và các vi sinh vật độc hại. Hiện tại, rau, quả tươi được CƯ cho TP. Hà Nội từ 3 nguồn: được SX tại TP. Hà Nội, được SX từ các vùng SX chuyên canh của các tỉnh: Hưng Yên, Phú Thọ, Sơn La, Đà Lạt,… được nhập khẩu từ nước ngoài (Mỹ, New Zealand, Trung Quốc…).

Nhìn chung, hầu hết các HTX SX RAT TP. Hà Nội đã có nhận thức đúng và rõ vai trò của chất lượng triển khai các quá trình công nghệ sản xuất cung ứng cốt lõi. Một bộ phận HTX đã tích hợp quá trình SX với quá trình CƯ theo yêu cầu đảm bảo tính chính xác, kịp thời của SP RAT CƯ so với động thái nhu cầu tiêu dùng thị trường thành phố. Tuy nhiên cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế trong chất lượng triển khai các quá trình SXCƯ cốt lõi. Theo đó, nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu: hệ thống hoá một số cơ sở lý thuyết cơ bản, nghiên cứu thực nghiệm chất lượng triển khai các quá trình chuỗi SXCƯ cốt lõi và mối quan hệ của nó đến hiệu suất phát triển thị trường tiêu thụ SP của các HTX SX RAT TP. Hà Nội. Từ đó, đề xuất một số hàm ý giải pháp quản trị nhằm nâng cao chất lượng triển khai các quá trình SXCƯ cốt lõi theo mục tiêu gia tăng hiệu suất phát triển thị trường tiêu thụ RAT của HTX trong thời gian tới.

Mô hình nghiên cứu, tiêu chí đánh giá và phương pháp xác định

Dựa trên các cơ sở lý thuyết (đã nêu trên) và tham khảo kế thừa các kết quả nghiên cứu, điển hình của D. Aaker (2017), Đ.V.Sơn & N.B.Khoa (2019), N.T.Mai (2021), N.H.Nam (2023)… mô hình nghiên cứu được đề xuất (Hình 1) và các tiêu chí đánh giá chất lượng triển khai các quá trình chuỗi SXCƯ cốt lõi của HTX SX RAT gồm 8 tiêu chí và 24 tham biến sau:

* Chất lượng triển khai quá trình hoạch định SX tác nghiệp hàng năm, tiêu chí này được xác định qua các tham biến: Kế hoạch SX tác nghiệp hàng năm có cơ sở khoa học thực tiễn; kế hoạch SX tác nghiệp hằng năm có đủ nội dung (hoạch định kế hoạch các yếu tố đầu vào, các công nghệ và lịch trình SX, CƯ); kế hoạch SX tác nghiệp hằng năm có tính khả thi, tiết kiệm chi phí, phù hợp với nhu cầu của trung gian phân phối.

* Chất lượng triển khai quá trình mua, nhập yếu tố đầu vào của SX xanh, tiêu chí này được xác định qua các tham biến: Quá trình mua-nhập các yếu tố đầu vào đủ về số lượng, chính xác về chất lượng, kịp thời và tiết kiệm chi phí thực hiện; đảm bảo chất lượng; không gây độc hại cho người SXCƯ, người tiêu dùng và môi trường SXCƯ; phù hợp với công nghệ SX xanh.

* Chất lượng triển khai công nghệ SX đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng, VSATTP, tiêu chí này được xác định qua các tham biến sau: Lựa chọn phù hợp công nghệ SX theo tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế; triển khai đảm bảo tiêu chuẩn công nghệ SX theo tiêu chuẩn Viet

** Trường Đại học Thương mại*

GAP; triển khai đảm bảo tiêu chuẩn công nghệ SX theo Global GAP khác.

* Chất lượng triển khai, quá trình thu hoạch, chuẩn bị lô hàng, bảo quản, vận chuyển, giao hàng hiệu suất cao tiêu chí này được xác định qua các tham biến: Chất lượng triển khai quá trình thu hoạch và chuẩn bị lô hàng CƯ phù hợp, hiệu quả; Chất lượng triển khai quá trình bảo quản vận chuyển, giao hàng linh hoạt, hiệu suất; tối đa hoá hiệu quả/chi phí quá trình CƯ RAT.

* Chất lượng quá trình liên kết, phối hợp 4 chủ thể trong SX và phát triển SP mới, công nghệ SX mới, dịch vụ CƯ RAT mới. Tiêu chí này được xác định qua các tham biến: Chất lượng liên kết 4 chủ thể trong ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ trong SX thương phẩm RAT; Chất lượng liên kết 4 chủ thể trong phát triển SP mới/công nghệ SX mới/ Dịch vụ CƯ mới; Chất lượng liên kết 4 chủ thể trong phát triển hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ thông tin trong SXCƯ RAT.

* Chất lượng triển khai quá trình quản lý và kiểm soát chất lượng VSATTP với SP và trên toàn bộ chu kỳ SXCƯ RAT. Tiêu chí này được xác định qua các tham biến: Vận dụng phù hợp mô hình quản lý chất lượng VSATTP với SP RAT; kiểm soát chất lượng VSATTP đồng bộ trên toàn bộ chu kỳ SXCƯ RAT; đảm bảo giá trị RAT CƯ cho thị trường vượt trội, có khác biệt với SP cạnh tranh chính.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

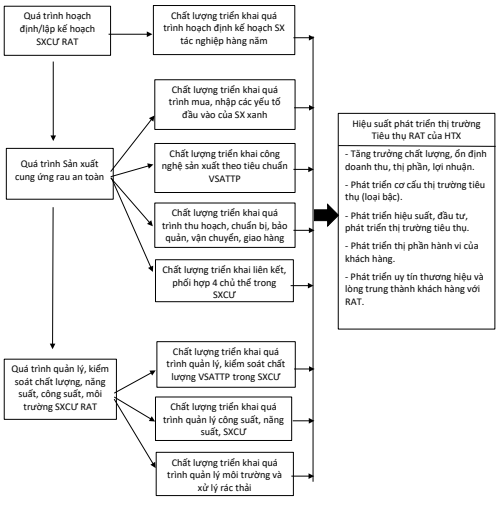

Nguồn: tác giả tổng hợp và đề xuất

* Chất lượng triển khai quá trình quản lý công suất, năng suất SXCƯ RAT. Tiêu chí này được xác định qua các tham biến: Chất lượng quá trình quản lý công suất và năng suất của từng SBUs (cặp SP RAT và thị trường tiêu thụ mục tiêu); chất lượng quá trình quản lý công suất và năng suất trong từng khâu của quá trình SXCƯ RAT; tối đa hoá công suất và năng suất SXCƯ RAT của HTX.

* Chất lượng triển khai quá trình quản lý môi trường đất, nước, không khí và xử lý rác thải trong quá trình SXCƯ RAT. Tiêu chí này được xác định qua các tham biến: Chất lượng triển khai, quá trình quản lý đất, nước, không khí trong quá trình SX RAT; Chất lượng triển khai, quá trình quản lý đất, nước, không khí trong quá trình CƯ giao hàng; chất lượng triển khai quá trình quản lý và xử lý rác thải trong SXCƯ RAT của HTX.

Kết quả nghiên cứu

Chất lượng triển khai các quá trình chuỗi SXCƯ RAT cốt lõi và mối quan hệ của nó đến hiệu suất phát triển thị trường tiêu thụ SP được đo lường qua 8 tiêu chí, 24 tham biến và được xác định dựa trên kết quả điều tra 122 nhà quản trị ở các HTX SX RAT TP. Hà Nội. Mẫu phiếu điều tra là bảng hỏi có nội dung chính là 24 câu hỏi để đối tượng điều tra trả lời trên thang linkert 5 mức đánh giá chất lượng triển khai (1: Kém, 5: Tốt hoặc hoàn hảo). Sau xử lí, tổng hợp kết quả điều tra ở Bảng 1.

Bảng 1: Tổng hợp kết quả điều tra nhà quản trị ở các HTX SX RAT

Thứ tự	Tiêu chí/ tham biến đánh giá	Trị số điểm bình quân ĐTB	Độ lệch chuẩn ĐLC
1	Chất lượng triển khai quá trình hoạch định SX tác nghiệp hàng năm phù hợp	3,87	
1.1	Kế hoạch SX tác nghiệp hàng năm được hoạch định có cơ sở khoa học thực tiễn dựa trên chiến lược trung và dài hạn.	3,79	0,689
1.2	Kế hoạch SX tác nghiệp hàng năm có đủ các nội dung (hoạch định nguồn các yếu tố đầu vào, CNSX, lịch trình SXCƯ).	4,26	0,933
1.3	Kế hoạch SX tác nghiệp hàng năm có tính khả thi, thực hiện tiết kiệm chi phí, phù hợp với nhu cầu của các trung gian phân phối.	3,55	1,926
2	Chất lượng triển khai quá trình Mua, nhập các yếu tố đầu vào của SX xanh.	3,84	
2.1	Quá trình mua, nhập các yếu tố đầu vào đủ số lượng, chính xác về chất lượng. Kịp thời và tiết kiệm chi phí thực hiện.	4,15	1,015
2.2	Quá trình mua, nhập các yếu tố đầu vào đảm bảo chất lượng không gây độc hại cho người SXCƯ, người tiêu dùng và môi trường SXCƯ RAT.	3,58	0,842
2.3	Quá trình mua, nhập các yếu tố đầu vào phù hợp với quá trình SX CƯ xanh.	3,80	0,991
3	Chất lượng triển khai công nghệ, SX đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng VSATTP.	4,21	
3.1	Lựa chọn, phù hợp, hiệu quả các công nghệ SX theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.	4,26	0,954
3.2	Triển khai đảm bảo tiêu chuẩn công nghệ SX Viet GAP	4,47	1,256
3.3	Triển khai đảm bảo tiêu chuẩn công nghệ SX theo Global GAP khác	3,90	0,789
4	Chất lượng triển khai quá trình thu hoạch chuẩn bị lô hàng, bảo quản, vận chuyển và giao hàng hiệu suất cao	4,02	
4.1	Chất lượng triển khai quá trình thu hoạch và chuẩn bị lô hàng CƯ phù hợp, hiệu quả.	4,24	0,887
4.2	Chất lượng triển khai quá trình bảo quản, vận chuyển, giao hàng linh hoạt, hiệu suất.	3,99	0,701
4.3	Tối đa hoá hiệu quả/ Chi phí quá trình CƯ RAT	3,83	1,034
5	Chất lượng quá trình liên kết phối hợp 4 chủ thể trong SX và phát triển SP mới, công nghệ SX và dịch vụ CƯ mới RAT	3,72	
5.1	Chất lượng liên kết phối hợp 4 chủ thể ứng dụng thành tự khoa học công nghệ trong SX thương phẩm RAT	3,79	1,114
5.2	Chất lượng liên kết phối hợp 4 chủ thể trong phát triển SP mới/công nghệ SX mới/dịch vụ CƯ mới	3,74	0,987
5.3	Chất lượng liên kết phối hợp 4 chủ thể phát triển hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ thông tin trong SX, CƯ RAT	3,52	0,839
6	Chất lượng triển khai quá trình quản lý và kiểm soát chất lượng, VSATTP với sản phẩm và trên toàn bộ chu kỳ SXCƯ RAT	3,92	
6.1	Vận dụng phù hợp mô hình quản lý chất lượng VSATTP với SP RAT.	3,96	0,963
6.2	Kiểm soát đồng bộ chất lượng VSATTP trên toàn bộ chu kỳ SXCƯ RAT	3,94	0,978
6.3	Đảm bảo giá trị RAT CƯ cho thị trường, vượt trội có khác biệt với SP cạnh tranh chính.	3,85	1,050
7	Chất lượng quá trình quản lý công suất, năng suất, SX, CƯ RAT	3,70	
7.1	Chất lượng quá trình quản lý công suất, năng suất của từng SBU (cặp SP RAT - Thị trường tiêu thụ mục tiêu)	3,60	0,899
7.2	Chất lượng quá trình quản lý công suất, năng suất trong từng khâu của quá trình SX, CƯ RAT.	3,84	1,095
7.3	Tối đa hoá công suất và năng suất SX, CƯ RAT của HTX SX RAT	3,57	1,214
8	Chất lượng triển khai quá trình quản lý môi trường (Đất, nước, không khí) và xử lý rác thải trong SX CƯ RAT	3,62	
8.1	Chất lượng triển khai quá trình quản lý môi trường (Đất, nước, không khí) trong quá trình SX SP RAT	3,65	0,799
8,2	Chất lượng triển khai quá trình quản lí môi trường (Đất, nước, không khí) trong quá trình CƯ RAT	3,80	0,717

Thứ tự	Tiêu chí/ tham biến đánh giá	Trị số điểm bình quân ĐTB	Độ lệch chuẩn ĐLC
8.3	Chất lượng triển khai quá trình quản lý và xử lý rác thải trong SX, CƯ RAT của HTX SX RAT.	3,35	1,096

Nguồn: Xử lý dữ liệu điều tra

Phân tích thống kê mô tả thực trạng chất lượng triển khai các quá trình chuỗi SX CƯ cốt lõi và mối quan hệ đến hiệu suất phát triển thị trường tiêu thụ của HTX SX RAT TP. Hà Nội ở Bảng 1 cho thấy:

- Chất lượng triển khai 8 quá trình chuỗi SX CƯcốt lõi của HTX SX RAT TP. Hà Nội đều được đánh giá từ cận dưới khá đến khá (ĐTBC từ 3,62 đến 4,21) nhưng có sự phân hoá rõ nét giữa các nhóm HTX (theo quy mô) và có tác động thuận chiều, đồng biến đến hiệu suất phát triển thị trường tiêu thụ SP RAT. So với các hộ, HTX SX rau quả truyền thống thì cả 8 quá trình này đều dược đánh giá cao hơn, tuy nhiên một số tham biến như 3.2, 4.1, 4.2, 5.2, 6.3, 7.3 còn thấp hơn cần được khắc phục trong thời gian tới.

- Một bộ phận các HTX (nhất là các HTX có quy mô vừa và khá lớn trong vùng SX chuyên doanh RAT) đã hoạch định kế hoạch SX tác nghiệp hàng năm (ĐTBC 3,84), có nhiều đổi mới về nội dung và kế hoạch thực hiện. Kế hoạch được hoạch định đã căn cứu vào định hướng chiến lược và kế hoạch trung hạn (ĐTB 3,79). Kế hoạch được thực hiện có đủ những nội dung cơ bản (ĐTB 4,26), một số nội dung có tính khả thi và trong thực hiện tiết kiệm chi phí (ĐTB 3,55). Tuy nhiên vẫn tồn tại nhiều HTX (chủ yếu quy mô nhỏ), kết hoạch SX tác nghiệp hàng năm được hoạch định thực chất là lịch trình SX và dựa chủ yếu theo kinh nghiệm của cá nhân nhà lãnh đạo HTX hoặc của những người mua gom RAT.

- Chất lượng triển khai mua, nhập các yếu tố đầu vào của SX xanh được đánh giá ở mức cận dưới khá (ĐTBC 3,84) đã có tác động đến quá trình SX, sản lượng SXCƯ và có mối quan hệ thuận chiều đến hiệu suất phát triển thị trường tiêu thụ của các HTX. Cụ thể cả 3 tham biến được đánh giá đạt mức cận dưới khá đến khá (ĐTB từ 3,58 đến 4,15), tuy nhiên vẫn còn tồn tại những điểm yếu: (1) quá trình mua, nhập yêu tố đầu vào chưa chính xác về chất lượng đặc biệt là chưa kịp thời gây lãng phí chi phí thực hiện; (2) còn mua, nhập yếu tố đầu vào gây độc hại đến người SX, tồn dư hoá chất trên SP ảnh hưởng đến sức khoẻ người tiêu dùng và tác động có hại đến quá trình nuôi dưỡng, tái tạo, môi trường đất, nước, không khí; (3) Một số yếu tố đầu vào của quá trình SX xanh được mua, nhập không phù hợp các yêu cầu thục hành công nghệ SX xanh do an toàn.

- Chất lượng triển khai công nghệ SX theo tiêu chuẩn Viet GAP và các tiêu chuẩn Global GAP khác là tiêu chí trung tâm được đánh giá ở mức cận trên khá (ĐTBC 4,21) thuộc nhóm cao trong 8 tiêu chí đánh giá. Cả 3 tham biến đều được đánh giá ở mức cận khá và cận trên khá (ĐTB 3,90 đến 4,47) cao hơn so với các HTX SX truyền thống (Chỉ đạt mức độ trung bình khá) và thấp hơn so với các cơ sở SX RAT FDI (Chủ yếu được đánh giá khá tốt ĐTB khoảng 4,6). Nghĩa là đòi hỏi các HTX SX RAT TP. Hà Nội phải tuỳ thuộc theo sự thay đổi của thị trường tiêu thụ SP RAT để lựa chọn áp dụng công nghệ SX phù hợp, đáp ứng cao các quy định VSATTP, tiêu chuẩn Viet GAP, Global GAP để đảm bảo và nâng cao sản lượng, chất lượng, hiệu quả của SX CƯ và hiệu suất phát triển thị trường tiêu thụ SP RAT.

- Chất lượng triển khai quá trình thu hoạch, chuẩn bị lô hàng bảo quản, vận chuyển và giao hàng được đánh giá ở mức độ khá (ĐTBC 4,02) có nhiều đổi mới nhất là đã triển khai tích hợp và đồng bộ các quá trình chi tiết này. Cả 3 tham biến đều được đánh giá đạt mức cận dưới khá đến cận trên khá (ĐTB đạt từ 3,83 đén 4,24) cao hơn so với các HTX SX rau quả truyền thống (chủ yếu được đánh giá ở mức trung bình). Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế nhất là các HTX không thuộc vùng SX chuyên canh RAT như: (1) Chất lượng triển khai quá trình thu hoạch chưa đáp ứng các nhu cầu và hầu như không được chuẩn bị để hình thành lô hàng CƯ; (2) Quá trình bảo quản chưa phù hợp với đặc điểm thương phẩm của một số loại RAT quá trình vận chuyển giao hàng hiệu suất thấp không xử lý triệt, còn xảy ra rủi ro trong hoàn trả SP RAT CƯ; (3) Hiệu quả/chi phí quá trình CƯ chưa đạt tối đa và chưa tiết giảm được chi phí, còn xảy ra trường hợp hư hao (về số lượng chất lượng) vượt quá định mức.

- Chất lượng quá trình liên kết phối hợp 4 chủ thể (nhà khoa học, HTX SX, trung gian phân phối, hệ thống quản lý Nhà nước) trong phát triển SP mới, công nghệ SX và CƯ RAT mới đã được quan tâm và được kết quả cận dưới khá (ĐTBC 3,72), có sự phân hoá cao giữa các nhóm HTX. Cả 3 tham biến đạt cận dưới khá (ĐTB từ 3,52 đến 3,89). Một số SP RAT mới được SX theo công nghệ hữu cơ và các SP RAT trái mùa vụ (trái mùa vụ chính ở đồng bằng Sông Hồng có sản lượng, chất lượng ngày càng tăng đáo ứng tốt hơn nhu cầu tiêu dùng của Thành phố. Tuy nhiên còn một số hạn chế, nhất là sự liên kết phối hợp chưa chủ động, chủ yếu dựa trên định hướng phát triển của hệ thống quản lý nhà nước thành phố. Ở một số HTX mức độ liên kết thiếu chặt chẽ, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ thấp, vì vậy chất lượng thương phẩm, tốc độ phát triển SP mới, dịch vụ CƯ mới và hiệu suất phát triển thị trường tiêu thụ SP RAT chưa đạt được mục tiêu.

- Chất lượng triển khai quản lý và kiểm soát chất lượng, VSATTP với SP và trên toàn bộ chu kỳ SXCƯ RAT của các HTX được đánh giá ở mức cận khá (ĐTBC 3,92). Cả 3 tham biến được đánh giá ở mức cận dưới khá đến cận khá (ĐTB từ 3,85 đến 3,96). Các HTX đã có nhiều đổi mới, nâng cấp chất lượng triển khai ứng dụng mô hình quản lý chất lượng, VSATTP với RAT (ĐTB 3,96); kiểm soát đồng bộ chất lượng VSATTP trên toàn bộ chu kỳ SX RAT (ĐTB 3,94) và đảm bảo giá trị RAT CƯ cho thị trườngcó khác biệt, tiết kiệm chi phí CƯ giao hàng (ĐTB 3,85). Tuy nhiên bên cạnh đó cũng tồn tại những hạn chế là: (1) vận dụng chưa đồng

bộ phương pháp PGS - các bên cùng tham gia trong quản lý và giám sát chất lượng, VSATTP đồng bộ trên tất cả các khâu của chu kỳ SXCƯ RAT; (2) Chưa kiểm soát để đảm bảo giá trị SP RAT CƯ cho thị trường vượt trội và tiết kiệm chi phí CƯ (ĐTB 3,85).

- Chất lượng quản lý công suất, năng suất, SXCƯ RAT của HTX được đánh giá đạt cận dưới khá (ĐTB 3,70). Cả 3 tham biến được đánh giá ĐTB từ 3,57 đến 3,84 mặc dù có cao hơn so với các hộ, HTX rau quả truyền thống và không ngừng được nâng cao. Tuy nhiên ở một bộ phận khá lớn các HTX SX RAT còn hạn chế nhất là chất lượng quá trình quản lý công suất, năng suất chưa đồng bộ, tập trung quản lí quá trình SX.

- Chất lượng triển khai quá trình quản lý môi trường (đất, nước, không khí) và xử lý rác thải trong quá trình SXCƯ RAT của các HTX được đánh giá thấp nhất trong 8 tiêu chí (ĐTBC 3,62). Mặc dù cả 3 tham biến đều được đánh giá cận trên trung bình đến cận dưới khá (ĐTBC 3,35 đến 3,86) đáp ứng các yêu cầu cơ bản thực hiện kế hoạch SXCƯ thân thiện môi trường, nhưng còn tồn tại những hạn chế như: (1) chất lượng triển khai các biện pháp làm giàu chất dinh dưỡng của các nguồn tài nguyên đất, tái tạo, nguồn nước sạch và không khí sạch hiệu quả thấp; (2) Chưa triển khai đồng bộ, hiệu quả các biện pháp xử lý rác thải, nhất là đối với các rác thải rắn, nhựa… trong quá trình SXCƯ để bảo vệ môi trường.

Đề xuất một số hàm ý giải pháp quản trị

Một là, lượng giá chính xác cập nhật các căn cứ chủ yếu như: nhu cầu thị trường, những thay đổi phương thức mua bán của trung gian phân phối và mục tiêu chiến lược trung & dài hạn của HTX để hoạch định kế hoạch SX tác nghiệp hàng năm cho từng SBU (cặp SP RAT và thị trường tiêu thụ mục tiêu). Đảm bảo kế hoạch SX tác nghiệp hàng năm đủ về nội dung và khả thi trong triển khai.

Hai là, chủ động nâng cấp chất lượng triển khai (phát huy các điểm mạnh, khắc phục các hạn chế) các quá trình SXCƯ RAT của các HTX, cụ thể:

+ Nâng cấp chất lượng triển khai quá trình mua - nhập các yếu tố đầu vào của SX xanh qua lựa chọn mua (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, vật tư nông nghiệp), đánh giá lựa chọn nhà cung cấp phù hợp và triển khai mua nhập chính xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí.

+ Nâng cấp chất lượng triển khai quá trình công nghệ SX: (1) Quy hoạch và phát triển đồng bộ diện tích và các yếu tố hạ tầng SXCƯ; (2) Triển khai công nghệ SX đáp ứng các tiêu chuẩn Viet GAP, Global GAP khác, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả của quá trình SX RAT;; (3) Thực hiện theo lộ trình ứng dụng khoa học công nghệ (công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, phương pháp canh tác…) tập trung vào khâu chọn giống rau, nâng cấp hạ tầng SX, ứng dụng công nghệ cao trong SX phát triển, công nghệ hữu cơ. (4) Chủ động chia sẻ thông tin và bồi dưỡng nâng cao đội ngũ nhân sự trực tiếp SX và tham gia quá trình CƯ.

+ Nâng cấp chất lượng triển khai công nghệ CƯ: (1) Triển khai đúng thời điểm, cải tiến phương pháp sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu khối lượng cơ cấu, chất lượng RAT CƯ; (2) Ứng dụng các phương pháp, công nghệ CƯ và dịch vụ mới phù hợp với đặc điểm của RAT và điều kiện hạ tầng ở các trung gian phân phối; (3) Đáp ứng tính kịp thời đảm bảo "độ chín tới đầy đủ", "chất lượng cao" của SP RAT và tối đa hoá hiệu quả/chi phí CƯ.

+ Chủ động phối hợp và mở rộng liên kết với: (1) các tổ chức/ nhà khoa học trong R&D phát triển SX, SP mới, dịch vụ CƯ mới và trong các dự án phát triển liên kết tiêu thụ, truyền thông nhóm thương hiệu RAT; (2) liên kết phối hợp với các thành viên chuỗi dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng đạt được mục tiêu; (3) nâng cấp điều kiện để thụ hưởng các dịch vụ, sự hỗ trợ phát triển SXCƯ RAT của hệ thống quản lý nhà nước trung ương và TP. Hà Nội.

Ba là, chủ động nâng cấp chất lượng triển khai khắc phục các hạn chế/điểm yếu của các quá trình quản lý, kiểm soát chất lượng VSATTP, công suất, năng suất và môi trường SXCƯ của các HTX SX RAT TP. Hà Nội, cụ thể:

+ Nâng cấp chất lượng quản lí VSATTP trên toàn bộ chu kỳ SXCƯ RAT. Mở rộng và vận dụng đồng bộ phương pháp kiểm soát chất lượng- PGS (các bên cùng tham gia: hệ thống quản lý nhà nước - HTX - đối tác - trung gian thương mại).

+ Nâng cấp chất lượng triển khai quản lý công suất và năng suất SXCƯ RAT, thông qua: (1) nâng cấp chất lượng hoạch định đầu tư phát triển cặp SP RAT - thị trường tiêu thụ mục tiêu và triển khai đồng bộ các giải pháp khai thác triệt để công suất, tăng năng suất SXCƯ RAT; (2) tăng mùa vụ và triển khai đồng bộ các giải pháp phát huy các lợi thế phương pháp canh tác, mở rộng ứng dụng thành tựu công nghệ SX; (3) Quản lý đồng bộ các yếu tố ảnh hưởng và triển khai các giải pháp để tăng năng suất SXCƯ, chú trọng nâng cấp chất lượng, dịch vụ logistic đầu ra và dịch vụ khách hàng có giá trị gia tăng cao.

+ Nâng cấp chất lượng quản lý môi trường (đất, nước, không khí) và xử lý các rác thải trong quá trình SXCƯ, các HTX SX RAT cần tập trung vào: (1) Triển khai đồng bộ hiệu quả các giải pháp kinh tế - kỹ thuật và sinh học để nuôi dưỡng, bảo vệ, tái tạo nguồn tài nguyên đất, nước, không khí hiện bị giới hạn và khan hiếm do biến đổi khí hậu toàn cầu; (2) Chủ động triển khai xử lý các tác động có hại của rác thải trong quá trình SX RAT nhất là các rác thải rắn, khí hoá lỏng, hiệu ứng nhà kính và bao bì bao gói SP RAT của các HTX.

Tài liệu tham khảo:

Aaker.D & Moonan.C (2017) "Strategic market management". John Wiley & Sons.

N.B.Khoa & N.H.Việt (2019) Chương 1 sách chuyên khảo "Nghiên cứu chuỗi cung ứng nông sản xuất khẩu của các tỉnh khu vực Tây Bắc" - Chủ biên Đ.V.Sơn, NXB Thống kê.

N.T.Mai (2020) "Xây dựng mô hình phát triển nông nghiệp hữu cơ ở địa bàn TP. Hà Nội" - Tạp chí Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương

N.H.Nam (2023) Tóm tắt luận án Tiến sĩ " Phát triển thị trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh rau an toàn trên địa bàn TP. Hà Nội".

Website: https//Kinhtedothi.VN "Những rào cản cố hữu của chuỗi rau an toàn".